

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 07/2025/DS-ST

Ngày: 05/9/2025

“V/v tranh chấp chia di sản
thừa kế”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Thuận.

2. Ông Lê Quang Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 về “Tranh chấp chia di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 15/8/2025 và Thông báo hoãn phiên tòa số 03/2025/TB-TA ngày 18 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim P, sinh năm 1978; số CCCD: 045178000477; địa chỉ: Khu phố I, thị trấn G, huyện G, tỉnh Quảng Trị (nay là khu phố I, xã G, tỉnh Quảng Trị); có mặt.

2. *Bị đơn:*

- Ông Lê Hoài L, sinh năm 1980; số CCCD: 045080005743; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn M, xã D, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

- Ông Lê Hoài K, sinh năm 1982; địa chỉ: 3 L, phường C, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là 3 L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- Ông Lê Hoài N, sinh năm 1984; số CCCD: 045084008828; địa chỉ: F10/24h4 tổ B, ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số F, ấp F, xã V, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- Bà Lê Thị Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là thôn Xóm M, xã S, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

- Anh Lê Hoài K1, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn M, xã D, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

- Bà Lê Thị Thanh T1, sinh năm 1993; số CCCD: 045193000084; địa chỉ: A C/c lô B, C/xá G, T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là 136 C/c lô B, C/xá G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

- Anh Lê Hoài K2, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn M, xã D, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

Đại diện hợp pháp của anh Lê Hoài K2: Ông Lê Hoài L; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn M, xã D, tỉnh Quảng Trị); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2025, bản trình bày ý kiến, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P trình bày:

Bà Võ Thị L1, sinh năm 1937, chết năm 2004. Bà Võ Thị L1 có hai người con đẻ là ông Lê Thanh H, sinh năm 1956, chết năm 1979 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1959, chết năm 2020. Ông Lê Thanh H kết hôn với bà Lê Thị V, có con đẻ là bà Lê Thị Kim P. Bà Lê Thị T2 kết hôn với ông Lê Văn P1, sinh năm 1957, chết năm 2012, có các con đẻ là: Lê Hoài L, Lê Hoài K, Lê Hoài N, Lê Thị Thanh T, Lê Hoài K1, Lê Thị Thanh T1 và Lê Hoài K2.

Bà Võ Thị L1 chết không để lại di chúc. Di sản của bà L1 để lại gồm nhà ở xây bằng bờ lô gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 6, diện tích 1300m², loại đất: vườn + đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 ngày 28/8/1993. Sau khi bà Võ Thị L1 chết thì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 được bà Lê Thị T2 cất giữ. Năm 2018, bà Lê Thị T2 giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Lê Thị Kim P để làm căn cứ kê khai hưởng thừa kế theo pháp luật. Sau đó, quyền sử dụng đất của bà Võ Thị L1 phát sinh tranh chấp với ông Lê Văn T3 nên bà P không thể làm thủ tục thừa kế, vụ việc tranh chấp được Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng xét xử tại Bản án số 30/2023/DS-ST ngày 04/7/2023 và đã được thi hành án xong. Vì những người thừa kế của bà Võ Thị L1 không thỏa thuận phân chia di sản thừa kế nên bà Lê Thị Kim P khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản của Võ Thị L1. Yêu cầu Tòa án giao cho bà Lê Thị Kim P được nhận 650m² đất, giao cho những người thừa kế của bà Lê Thị T2 được nhận 650m² đất thuộc thửa số 1545, tờ bản đồ số 6, loại đất: vườn + đất ở, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 do UBND huyện H cấp ngày 28/8/1993 mang tên bà Võ Thị L1.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P yêu cầu được chia 1/2 thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 6, phần đất có diện tích nhỏ hơn, có giá trị nhỏ hơn để không bù tiền chênh lệch, phù hợp với điều kiện kinh tế của gia đình. Giao cho ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 phần đất có giá trị lớn hơn. Bà Lê Thị Kim P tự nguyện không yêu cầu ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 bù tiền chênh lệch cho bà.

Tại biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tiến hành, bị đơn bà Lê Thị Thanh T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim P và xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên tòa xét xử.

Bị đơn Lê Hoài L đã có văn bản từ chối nhận di sản của bà Võ Thị L1 đối với phần mình được nhận. Văn bản từ chối được lập ngày 16/10/2024 và đã được công chứng. Tại biên bản lấy lời khai, ông Lê Hoài L trình bày ý kiến: Ông giữ nguyên việc từ chối nhận di sản. Hiện nay ông L đang là người giám hộ cho anh Lê Hoài K2, là người bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, nên đối với phần di sản thừa kế của anh Lê Hoài K2 được chia thì ông xin nhận quản lý cho anh K2.

Bị đơn ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, ông Lê Hoài K1 không trình bày ý kiến gì.

Bị đơn bà Lê Thị Thanh T1 đã có văn bản từ chối nhận di sản của bà Võ Thị L1 đối với phần mình được nhận. Văn bản từ chối được lập ngày 27/8/2024 và đã được công chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 613, 614, 620, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản của bà Võ Thị L1 là quyền sử dụng đất tại thửa số 1545, tờ bản đồ địa chính số 06 xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thửa đất số 874, tờ bản đồ số 102 xã D, tỉnh Quảng Trị), diện tích 1.300m² được UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 ngày 28/8/1993 mang tên bà Võ Thị L1. Di sản thừa kế được chia như sau: Giao cho bà Lê Thị Kim P

được quyền sử dụng phần đất B có diện tích 638,2m², trong đó có 150m² đất ở và 488,2m² đất trồng cây hằng năm khác, trị giá 565.766.000 đồng; giao cho ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 được quyền sử dụng phần đất A có diện tích 661,8m², trong đó có 150m² đất ở và 511,8m² đất trồng cây hằng năm khác, trị giá 583.584.000 đồng, trong số diện tích 1.300m² tại thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 06 (nay là thửa đất số 874, tờ bản đồ số 102 xã D, tỉnh Quảng Trị) theo Bản đồ thửa đất ký ngày 02/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực XIV - Quảng Trị. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Kim P không yêu cầu ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 bù tiền chênh lệch đối với phần di sản thừa kế được chia.

Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim P là thành viên hộ cận nghèo, anh Lê Hoài K2 là người khuyết tật nên đề nghị miễn án cho bà P, anh K2. Các bị đơn ông Lê Hoài N, ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài K1 và bà Lê Thị Thanh T mỗi người phải chịu 5.397.400 đồng án phí sơ thẩm. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim P đã tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án “Tranh chấp chia di sản thừa kế” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất đang tọa lạc tại xã H, huyện H (nay là xã D), tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn. Các bị đơn ông Lê Hoài L, ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, ông Lê Hoài K1, bà Lê Thị Thanh T1 và đại diện hợp pháp của anh Lê Hoài K2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do. Bị đơn bà Lê Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Kim P yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Võ Thị L1 gồm nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 6, diện tích 1.300m², địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, đất đã được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 ngày 28/8/1993.

[4] Xác định di sản: Bà Võ Thị L1, sinh năm 1937, chết năm 2004. Di sản của bà L1 để lại gồm nhà ở xây bằng bờ lô gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa

đất số 1545, tờ bản đồ số 6, diện tích 1300 m², loại đất: vườn + đất ở, thời hạn sử dụng: lâu dài, địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 ngày 28/8/1993.

Qua xem xét, thẩm định tại chỗ, ngôi nhà của bà L1 hiện nay đã không còn mái, cửa và theo chứng thư định giá thì ngôi nhà đã hư hỏng nặng, không còn giá trị để định giá. Đối với thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 6, theo hiện trạng đo đạc có diện tích 1.422,2 m². Tuy nhiên, tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì thửa đất có diện tích 1.300 m². Vì vậy, xác định di sản của bà Võ Thị L1 để lại là quyền sử dụng diện tích 1.300 m² đất tại thửa số 1545, tờ bản đồ số 6; địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, được UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 ngày 28/8/1993 (nay là thửa số số 874, tờ bản đồ số 102 xã D, tỉnh Quảng Trị).

Theo công văn số 64/UBND-KT ngày 25/7/2025 của UBND xã D xác định, diện tích đất ở tại thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 6 là 300m². Theo chứng thư định giá, tại thửa đất số 1545, giá đất ở là 1.314.500 đồng/m², giá đất trồng cây hằng năm khác là 755.000 đồng/m². Tổng giá trị diện tích 1.300m² trong đó có 300m² đất ở và 1.000 m² đất trồng cây hằng năm khác là 1.149.350.000 đồng.

[5] Xác định hàng thừa kế và người được nhận di sản thừa kế:

Bà Võ Thị L1 chết không để lại di chúc, nên di sản của bà Võ Thị L1 để lại được chia theo pháp luật.

Hàng thừa kế thứ nhất của bà Võ Thị L1 gồm có các con đẻ là ông Lê Thanh H, sinh năm 1956, chết năm 1979 và bà Lê Thị T2, sinh năm 1959, chết năm 2020. Do ông Lê Thanh H chết trước bà Võ Thị L1 nên con của ông H là bà Lê Thị Kim P được thừa kế thế vị, bà P được hưởng phần thừa kế của ông Lê Thanh H nếu còn sống được hưởng theo quy định tại Điều 652 Bộ luật Dân sự. Như vậy, bà Lê Thị Kim P và bà Lê Thị T2, mỗi người được hưởng 1/2 quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.300m² tại thửa đất số 1545. Do bà Lê Thị T2 đã chết vào năm 2020, chồng bà T2 là ông Lê Văn P1 chết năm 2012 nên phần di sản mà bà T2 được nhận giao lại cho hàng thừa kế của thứ nhất của bà T2, gồm các con đẻ là ông Lê Hoài L, ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1, bà Lê Thị Thanh T1 và anh Lê Hoài K2.

Do ông Lê Hoài L và bà Lê Thị Thanh T1 đã lập văn bản từ chối nhận di sản, văn bản đã được công chứng và thông báo đến những người thừa kế khác, phù hợp với quy định tại Điều 620 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận việc từ chối nhận di sản của ông L, bà T1.

Vì vậy, phần di sản mà bà T2 nhận thừa kế của bà Võ Thị L1 được giao lại cho 05 người con của bà T2 là ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2.

[6] Chia di sản thừa kế của bà Võ Thị L1:

Xét phần diện tích 1.300 m² đất tại thửa số 1545, theo sơ đồ đo đạc, thửa đất có cạnh phía nam dài 25,03m giáp đường bê tông, cạnh phía đông dài 47,43m

giáp đường đất, cạnh phía tây dài 50,13m giáp đất ông Lê T4, cạnh phía bắc dài 28,32m giáp phần đất trống chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên đơn bà Lê Thị Kim P xin được nhận di sản là 1/2 thửa đất. Theo quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Q về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 14/8/2024 của UBND tỉnh Q quy định hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở, giao đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp; tách thửa, hợp thửa đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị thì diện tích 1.300m² đất tại thửa số 1545, tờ bản đồ số 6 đủ điều kiện tách thành 2 thửa đất để giao 1/2 thửa đất cho bà Lê Thị Kim P và 1/2 thửa đất cho ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2.

Vì vậy, lấy chiều dài mỗi cạnh phía nam, phía bắc của thửa đất chia 2, tách thửa đất thành 2 thửa kí hiệu A và B. Thửa đất A có diện tích là 661,8m², trong đó có 150m² đất ở và 511,8m² đất trồng cây hàng năm khác, có cạnh phía đông dài 48,75m giáp với phần đất B, cạnh phía tây dài 50,13m giáp đất ông Lê T4, cạnh phía nam dài 12,53m giáp đường bê tông, cạnh phía bắc dài 14,24m giáp đất trống. Thửa đất B có diện tích là 638,2m², trong đó có 150m² đất ở và 488,2m² đất trồng cây hàng năm khác, có cạnh phía đông dài 47,43m giáp đường đất, cạnh phía tây dài 48,75m giáp thửa đất A, cạnh phía nam dài 12,5m giáp đường bê tông, cạnh phía bắc dài 14,08m giáp đất trống.

Theo chứng thư định giá, giá đất ở là 1.314.500 đồng/m², giá đất trồng cây hàng năm khác là 755.000 đồng/m², nên thửa đất A có giá trị là: $(1.314.500 \text{ đồng/m}^2 \times 150\text{m}^2) + (755.000 \text{ đồng/m}^2 \times 511,8\text{m}^2) = 583.584.000 \text{ đồng}$. Thửa đất B có giá trị là: $(1.314.500 \text{ đồng/m}^2 \times 150\text{m}^2) + (755.000 \text{ đồng} \times 488,2\text{m}^2) = 565.766.000 \text{ đồng}$.

Xét quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà Lê Thị Kim P có nguyện vọng xin được chia phần đất có diện tích nhỏ hơn, có giá trị nhỏ hơn do không có điều kiện kinh tế để bù chênh lệch. Các bị đơn không trình bày nguyện vọng về phần đất được thừa kế. Hơn nữa, bà P đang là người trực tiếp quản lý, trông coi di sản của bà Võ Thị L1. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà P, chia cho bà P được thừa kế thửa đất B có giá trị là 565.766.000 đồng. Chia cho ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 thửa đất A có giá trị là 583.584.000 đồng. Ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 mỗi người được nhận 1/5 thửa đất A tương ứng với giá trị bằng tiền là 116.716.800 đồng. Do thửa đất A không đủ điều kiện để chia thành 5 thửa, đồng thời ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 không ai có nguyện vọng nhận toàn bộ phần đất được thừa kế và bù trừ giá trị cho những đồng thừa kế khác nên cần giao cho ông K, ông N, bà T, ông K1, anh K2 được quyền sử dụng chung đối với phần đất được nhận thừa kế.

Vì thửa đất A mà ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 được chia có giá trị cao hơn so với thửa đất B mà bà Lê Thị Kim P được chia là $(583.584.000 \text{ đồng} - 565.766.000 \text{ đồng}) = 17.818.000 \text{ đồng}$. Vì vậy, ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông

Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 phải phải bù tiền chênh lệch cho bà Lê Thị Kim P là 17.818.000 đồng : 2 = 8.909.000 đồng. Bà Lê Thị Kim P và các con của bà T2 gồm: Ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1, anh Lê Hoài K2 mỗi bên được nhận kỉ phần thừa kế là quyền sử dụng đất có giá trị là 574.675.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà P đã tự nguyện không yêu cầu ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 phải phải bù tiền chênh lệch cho bà, nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với phần diện tích 122,2 m² chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hiện trạng đo đạc, những người thừa kế di sản liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp quyền sử dụng đất.

[7] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí trên giá trị phần quyền sử dụng đất mà mỗi bên được nhận. Do bà Lê Thị Kim P là thành viên hộ cận nghèo, anh Lê Hoài K2 là người khuyết tật và đã có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần miễn án phí cho bà P, anh K2. Ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 mỗi người phải chịu là 5.397.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá là 14.859.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng và tự nguyện chịu số tiền này, không yêu cầu các bị đơn phải hoàn trả, nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, 147, 157, 165, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 613, 614, 620, 649, điểm a khoản 1 Điều 650, Điều 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Kim P về chia di sản của bà Võ Thị L1 là quyền sử dụng đất tại thửa số 1545, tờ bản đồ số 06 xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thửa đất số 874, tờ bản đồ số 102 xã D, tỉnh Quảng Trị), diện tích 1.300m² được UBND huyện H, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 852951 ngày 28/8/1993 mang tên bà Võ Thị L1.

Chia di sản thừa kế như sau:

Giao cho bà Lê Thị Kim P được quyền sử dụng thửa đất B có diện tích 638,2m², trong đó có 150m² đất ở và 488,2m² đất trồng cây hằng năm khác đất tại thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 06 xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thửa đất

số 874, tờ bản đồ số 102 xã D, tỉnh Quảng Trị), có giá trị quyền sử dụng đất là 565.766.000 đồng, có tứ cạnh như sau:

Phía Đông giáp đường đất, có cạnh dài 47,43m.

Phía Tây giáp thửa đất A, có cạnh dài 48,75m.

Phía Nam giáp đường bê tông, có cạnh dài 12,50m.

Phía Bắc giáp phần đất trống, có cạnh 14,08m.

Giao cho ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2, được quyền sử dụng thửa đất A có diện tích 661,8m², trong đó có 150m² đất ở và 511,8m² đất trồng cây hàng năm khác trong số diện tích 1.300m² tại thửa đất số 1545, tờ bản đồ số 06 xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là thửa đất số 874, tờ bản đồ số 102 xã D, tỉnh Quảng Trị), có giá trị quyền sử dụng đất là 583.584.000 đồng, có tứ cạnh như sau:

Phía Đông giáp thửa đất B, có cạnh dài 48,75m.

Phía Tây giáp thửa đất ông Lê T4, có cạnh dài 50,13m.

Phía Nam giáp đường bê tông, có cạnh dài 12,53m.

Phía Bắc giáp phần đất trống, có cạnh 14,24m.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Kim P về việc không yêu cầu ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 và anh Lê Hoài K2 phải thanh toán tiền chênh lệch cho bà Lê Thị Kim P.

(Kèm theo Bản đồ thửa đất ký ngày 02/7/2025 của Chi nhánh Văn phòng Đ - Quảng Trị).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Kim P. Trả lại cho bà Lê Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng tại biên lai số 0000382 ngày 06/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Quảng Trị).

Ông Lê Hoài K, ông Lê Hoài N, bà Lê Thị Thanh T, ông Lê Hoài K1 mỗi người phải chịu là 5.397.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lê Hoài K2.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận bà Lê Thị Kim P tự nguyện chịu và đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 14.859.000 đồng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV6-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương